

GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÁC DOANH NGHIỆP CHẾ BIẾN THỦY SẢN NIÊM YẾT

TS. Ngô Thị Kim Hòa*

Trong những năm vừa qua, ngành thủy sản của Việt Nam đã đóng góp tích cực trong chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn và tăng kim ngạch xuất khẩu. Tuy nhiên, hiện nay, ngành này cũng gặp không ít khó khăn do biến đổi khí hậu, các rào cản về thương mại, tình hình chính trị - kinh tế thế giới... ảnh hưởng không ít đến tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp ngành thủy sản; sản lượng sản xuất và doanh thu sụt giảm, chi phí gia tăng nên hiệu quả kinh doanh thấp. Bài viết này khái quát thực trạng hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp thủy sản và đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh ở các doanh nghiệp này.

• Từ khóa: giải pháp nâng cao hiệu quả; hoạt động kinh doanh; doanh nghiệp chế biến thủy sản.

In recent years, Vietnam's fisheries industry has actively contributed to transforming the agricultural and rural economic structure and increasing export turnover. However, currently, this industry is also facing many difficulties due to climate change, trade barriers, world political-economic situation... which greatly affects the production and business situation of these companies. Fisheries industry enterprises; Production output and revenue decreased, costs increased, so business efficiency was low. This article summarizes the current state of operational efficiency of seafood enterprises and proposes some solutions to improve business efficiency in these enterprises.

• Key words: solutions to improve efficiency; business activities; seafood processing enterprise.

Ngày nhận bài: 06/11/2023

Ngày gửi phản biện: 10/11/2023

Ngày nhận kết quả phản biện: 15/12/2023

Ngày chấp nhận đăng: 10/01/2024

1. Khái quát thực trạng hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp Thủy sản niêm yết thông qua các chỉ tiêu chủ yếu

Tình hình doanh thu thuần

Doanh thu thuần (DTT) trung bình của các doanh nghiệp (DN) tăng từ 2.688 tỷ đồng năm 2018 lên 3.597 tỷ đồng năm 2023. Trong đó, CTCP Thủy sản Vĩnh Hoàn (VHC) luôn là công ty có DTT dẫn đầu, cao hơn 1.5 lần so với công ty vị trí thứ hai là

CTCP Đầu tư và phát triển đa quốc gia (IDI) và cao gấp nhiều lần so với các DN khác. Năm 2022, DTT của VHC đạt giá trị 13.230,8 tỷ đồng, tăng 35% so với năm 2021 và có sự gia tăng đáng kể so với năm 2019 và 2020.

Đứng vị trí thứ hai là CTCP Đầu tư và phát triển đa quốc gia (IDI) với mức DTT dao động quanh mức 6.000-8.000 tỷ đồng. Năm 2022, IDI đạt doanh thu 7.930 tỷ đồng, có sự gia tăng đáng kể so với năm 2021. Vị trí thứ ba thuộc về CTCP Thực phẩm Sao Ta (FMC), với DTT có xu hướng gia tăng đáng kể qua các năm, và đạt mức 5.700 tỷ đồng vào năm 2022. Tiếp đến là CTCP Nam Việt (ANV) với DTT năm 2022 đạt 4.896 tỷ đồng, tăng 40% so với năm 2021. Ngoài top 4 DN kể trên, 3 DN sau đây đều có doanh thu thuần đạt giá trị trên 1.000 tỷ đồng, đó là CTCP Camimex Group (CMX) với DTT 2.900 tỷ năm 2022, CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu (SJ1) với DTT 1.312 tỷ đồng năm 2022, CTCP Xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang (ACL) với DTT 1.167 tỷ đồng năm 2022. Các CTCP còn lại với quy mô vốn kinh doanh nhỏ hơn cũng đạt giá trị DTT dao động từ 200-950 tỷ đồng.

Đánh giá về tốc độ tăng trưởng của DTT, có thể thấy đại đa số các DN đều có sự gia tăng rất lớn, ví dụ như mã ABT của CTCP Xuất nhập khẩu thủy sản Bến Tre, năm 2022 so với 2021 doanh thu tăng tới 80%. Mã AAM của CTCP Thủy sản Mekong đạt DTT năm 2022 ở mức 212 tỷ đồng, tăng 58% so với năm 2021. Năm 2022, chỉ hai công ty là CTCP Xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang (ACL) và CTCP Kiên Hùng (KHS) có doanh thu

* Học viện Tài chính

thuần giảm lần lượt ở mức 3,8% và 6,5% so với năm 2021.

Có thể thấy năm 2020 DTT của các DN chế biến thủy sản niêm yết có giá trị thấp nhất, sau đó có sự gia tăng hơn ở năm 2021 và năm 2022 đã có những thay đổi đáng kể. Điều này, là do những tác động của dịch bệnh Covid-2019, đã ảnh hưởng nặng nề tới tình hình doanh thu của các DN chế biến thủy sản niêm yết.

Bảng 1. Doanh thu thuần của doanh nghiệp chế biến thủy sản niêm yết trong giai đoạn 2018-2022 (Triệu đồng)

Mã CK	2018	2019	2020	2021	2022
AAM	218,264	216,122	120,887	134,110	212,008
ABT	395,938	361,150	318,110	341,647	616,639
ACL	1,688,854	1,417,535	951,757	1,213,721	1,166,953
ANV	4,117,989	4,480,866	3,438,664	3,493,926	4,896,647
BLF	492,198	607,265	529,686	418,739	646,102
CMX	1,062,203	951,132	1,424,587	2,093,645	2,900,108
FMC	3,806,660	3,709,591	4,415,217	5,199,105	5,701,564
IDI	6,341,214	7,731,883	6,366,756	5,718,848	7,930,524
KHS	1,138,567	1,129,592	1,183,844	1,017,015	950,773
SJ1	1,034,382	1,170,971	993,255	1,160,893	1,312,661
VHC	9,271,329	7,867,144	7,037,180	9,054,249	13,230,800
Trung bình	2,687,963	2,694,841	2,434,540	2,713,263	3,596,798

Nguồn: BCTC của DN chế biến thủy sản niêm yết và tính toán của tác giả

Bảng 2.2. Tốc độ tăng trưởng doanh thu thuần của doanh nghiệp chế biến thủy sản niêm yết (%)

Mã CK	2019 so với 2018	2020 so với 2019	2021 so với 2020	2022 so với 2021
AAM	-0.98	-44.07	10.94	58.09
ABT	-8.79	-11.92	7.40	80.49
ACL	-16.07	-32.86	27.52	-3.85
ANV	8.81	-23.26	1.61	40.15
BLF	23.38	-12.78	-20.95	54.30
CMX	-10.46	49.78	46.97	38.52
FMC	-2.55	19.02	17.75	9.66
IDI	21.93	-17.66	-10.18	38.67
KHS	-0.79	4.80	-14.09	-6.51
SJ1	13.20	-15.18	16.88	13.07
VHC	-15.15	-10.55	28.66	46.13

Nguồn: BCTC của DN chế biến thủy sản niêm yết và tính toán của tác giả

Tình hình lợi nhuận sau thuế

Qua Đồ thị 2.3, Bảng 2.3, có thể thấy VHC vẫn luôn là công ty dẫn đầu với lợi nhuận sau thuế cao gấp nhiều lần so với các doanh nghiệp khác trong ngành. Cụ thể là năm 2022, Lợi nhuận sau thuế của VHC gấp gần 3 lần so với ANV là công ty có vị trí thứ hai về giá trị lợi nhuận sau thuế, gấp 3,6 lần so với lợi nhuận của FMC, công ty đứng thứ 3 về lợi nhuận. Nhóm công ty IDV, ANV và FMC là những

công ty có lợi nhuận đáng kể, cao hơn hẳn so với các doanh nghiệp khác trong ngành.

Xem xét về xu hướng tăng trưởng của lợi nhuận, cho thấy giai đoạn 2019-2021, phần lớn các DN chế biến thủy sản niêm yết đều chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh Covid-19, tình hình lợi nhuận sau thuế sụt giảm đáng kể. Cụ thể, năm 2020 so với năm 2019, tất cả các doanh nghiệp đều bị suy giảm về lợi nhuận, trong đó có các công ty AAM, lợi nhuận sụt giảm tới 244%, ABT và ANV giảm 71%, ACL giảm 80%, IDI giảm 67%. Tuy nhiên, sang năm 2021, đại đa số các DN chế biến thủy sản niêm yết đã có sự cố gắng và tình hình lợi nhuận đã khởi sắc, có xu hướng tăng lên đáng kể, chỉ một số công ty vẫn chưa thể vực dậy sau Covid-19, như AAM, BLF và SJ1. Sang năm 2022, trừ KHS, còn lại, các DN đều có lợi nhuận sau thuế tăng lên rất mạnh mẽ, đặc biệt là các mã chứng khoán AAM, ANV, BLF, IDI và ACL.

Bảng 3. Lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp chế biến thủy sản niêm yết trong giai đoạn 2018-2022 (Triệu đồng)

Mã CK	2018	2019	2020	2021	2022
AAM	9,593	8,309	-11,967	226	16,900
ABT	66,729	48,695	14,288	33,793	64,289
ACL	230,400	141,713	28,183	42,088	117,948
ANV	604,167	704,044	202,170	128,739	673,745
BLF	946	5,150	3,745	-10,994	-38,644
CMX	80,768	77,750	60,145	83,524	90,879
FMC	180,496	229,776	225,963	287,089	321,018
IDI	643,813	325,956	107,133	143,298	563,146
KHS	29,128	27,828	14,031	56,855	34,990
SJ1	24,584	27,832	16,655	13,232	15,614
VHC	1,442,098	1,179,123	719,299	1,106,554	2,012,920
Trung bình	301,157	252,380	125,422	171,309	352,073

Nguồn: BCTC của DN chế biến thủy sản niêm yết và tính toán của tác giả

Bảng 4. Tốc độ tăng trưởng lợi nhuận sau thuế của các doanh nghiệp chế biến thủy sản niêm yết giai đoạn 2018-2022 (%)

Mã CK	2019 so với 2018	2020 so với 2019	2021 so với 2020	2022 so với 2021
AAM	-13.38	-	+	7377.88
ABT	-27.03	-70.66	136.51	90.24
ACL	-38.49	-80.11	49.34	180.24
ANV	16.53	-71.28	-36.32	423.34
BLF	444.40	-27.28	-	-
CMX	-3.74	-22.64	38.87	8.81
FMC	27.30	-1.66	27.05	11.82
IDI	-49.37	-67.13	33.76	292.99
KHS	-4.46	-49.58	305.21	-38.46
SJ1	13.21	-40.16	-20.55	18.00
VHC	-18.24	-39.00	53.84	81.91

Nguồn: BCTC của DN chế biến thủy sản niêm yết và tính toán của tác giả

Tình hình kết quả kinh doanh của các DN chế biến thủy sản có sự sụt giảm đáng kể trong giai đoạn 2019-2020 do sự ảnh hưởng không nhỏ của dịch bệnh Covid-19 và những khó khăn trong kinh doanh. Tuy nhiên, sang giai đoạn 2021-2022, tình hình chung các DN đã có sự tiến triển rõ rệt về kết quả kinh doanh. Những DN quy mô vốn lớn của ngành như VHC, IDI, ANV vẫn luôn là những DN có tình hình kết quả kinh doanh tốt và có sự vực dậy mạnh mẽ sau ảnh hưởng của Covid-19.

2. Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp ngành Thủy sản

Để nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của các DN Thủy sản, một số giải pháp sau đây cần được chú trọng.

Một là, nhóm giải pháp nâng cao khả năng sinh lời. Để nâng cao khả năng sinh lời, các DN cần cố gắng nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm chi phí và nhất là cần phát triển thị trường mới để tăng cường xuất khẩu nhằm tăng được doanh thu dẫn đến tăng lợi nhuận.

*** Giải pháp gia tăng doanh thu.** Một trong những mảng hoạt động mang lại doanh thu lớn của các DN Thủy sản, đó là hoạt động xuất khẩu các sản phẩm thủy sản sang thị trường nước ngoài. DN có thể xem xét một số giải pháp sau để gia tăng doanh thu:

Thứ nhất, nâng cao sức cạnh tranh về chất lượng của sản phẩm thủy sản

Doanh nghiệp thủy sản ở Việt Nam đã gặp những vấn đề lớn như bị trả lại hàng hóa khi không đáp ứng yêu cầu về dư lượng kháng sinh, chất bảo quản từ phía đối tác. Đây là vấn đề chúng ta phải khắc phục ngay vì không chỉ mất đơn hàng mà còn là mất khách hàng và thị phần. Sức cạnh tranh của hàng thủy sản Việt Nam hiện còn yếu: xuất khẩu chủ yếu dưới dạng thô, giá thành sản phẩm cao, chất lượng thấp. Do đó, cần nâng cao sức cạnh tranh về chất lượng hàng thủy sản, cụ thể là:

(i) Tăng cường công tác kiểm tra chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm đối với sản phẩm thủy sản bằng các biện pháp như: xây dựng tiêu chuẩn vùng nuôi an toàn kết hợp tăng cường kiểm soát các cơ sở chế biến; triển khai đồng bộ các tiêu chuẩn quy định quy trình, quy phạm về quản lý chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm, quy định hoá chất và chế phẩm được phép sử dụng. Có chế tài xử phạt thích đáng đối với các trường hợp vi phạm; xây dựng các quy định về xuất xứ nguyên liệu gắn với vùng nuôi thủy sản.

(ii) Đảm bảo chất lượng nguyên liệu chế biến thủy sản. Các DN phải ký hợp đồng bao tiêu sản phẩm đối với người nuôi trồng, giúp đỡ ngư dân về kỹ thuật nuôi trồng, về giống, hướng dẫn ngư dân về kỹ thuật bảo quản nguyên liệu sau thu hoạch.

(iii) Tiếp tục đầu tư nâng cấp công nghệ chế biến hiện đại, tiên tiến, đồng bộ là rất cần thiết góp phần nâng cao khả năng cạnh tranh của chất lượng hàng thủy sản Việt Nam.

Thứ hai, đa dạng hóa thị trường và chủ động mở rộng thị trường xuất khẩu

Đa dạng hóa thị trường xuất khẩu ngay chính trong thị trường EU và mở rộng thị trường xuất khẩu, chuyển hướng xuất khẩu sang các thị trường phi truyền thống, các thị trường mới nổi là giải pháp cần thiết trong bối cảnh đồng euro đang giảm giá.

Những thị trường đáng chú ý có mức tăng trưởng tiêu dùng và có xu hướng ưa thích các sản phẩm cá tra của Việt Nam như các nước Đông Âu cũ, hoặc Bắc Âu như Thụy Điển, Bungaria, Romania, Hungaria, Bi, Anh... Các thị trường mới nổi lên như Bắc Mỹ, Nam Mỹ...

Thị trường các nước Hồi giáo cũng đang được xem là một kênh tiêu thụ tốt, giúp các doanh nghiệp Việt Nam đa dạng hóa thị trường tiêu thụ. Dân số Hồi giáo chiếm gần 25% dân số toàn thế giới. Trung bình hàng năm thế giới chi khoảng 442 tỉ USD để mua thực phẩm, riêng các nước Hồi giáo chi 150 tỉ USD. Vì vậy, xuất khẩu thủy sản sang các thị trường Hồi giáo thông qua các nước có đông người Hồi giáo (Malaysia, Ấn Độ...) cũng đang được chú ý. Bên cạnh đó, Bắc Phi và Trung Đông cũng là những thị trường đầy tiềm năng.

Thứ ba, chủ động khai thác thị trường tiêu thụ trong nước. Ngoài tập trung cho xuất khẩu, các DN cũng cần tích cực khai thác thị trường tiêu thụ nội địa, thực hiện các biện pháp đẩy nhanh công tác bán hàng. Tích cực khai thác, xây dựng các kênh phân phối, cải tiến mạng lưới kinh doanh, phương thức bán hàng, giá cả, phương thức thanh toán,... để thúc đẩy doanh thu tiêu thụ trong nước.

*** Giải pháp về quản trị chi phí.** Các DN tập trung chú ý tới công tác quản trị chi phí. Cụ thể là:

(i) Chú ý tới công tác lập kế hoạch về chi phí kinh doanh và xây dựng hệ thống định mức chi phí. Để kiểm soát tốt chi phí DN, cần lập kế hoạch về các loại chi phí trong sản xuất kinh doanh, đồng thời ghi nhận và quan tâm tới cả chi phí xử lý

chất thải. Kế hoạch chi phí cần được cập nhật liên tục và dựa vào thực tế tình hình sử dụng của công ty. Có sự thay đổi linh hoạt với tình hình biến động cụ thể của doanh nghiệp. DN cần xây dựng nhiều kịch bản đề chủ động áp dụng cho các biến động thị trường. Trước tình hình khó khăn phức tạp, đảo chiều của môi trường kinh doanh, trong quá trình xây dựng các kịch bản phát triển, xác định các chỉ tiêu quy mô, lợi nhuận chi phí thì phải có những kịch bản phụ đề lường đón những bất lợi có thể xảy ra. Việc lập kế hoạch phải mang tính khả thi và phù hợp với thực tế hoạt động của công ty. Kế hoạch chi phí quá cao hay quá thấp đều ảnh hưởng đến lợi nhuận của công ty.

(ii) Tránh việc dự trữ quá nhiều và quá lâu các vật tư, nguyên liệu đầu vào, để tránh gây ứ đọng vốn. Tuy nhiên, cũng tránh tình trạng duy trì quá ít vật tư, nguyên liệu, phụ liệu, gây gián đoạn quá trình sản xuất.

(iii) Thực hiện tiết kiệm chi phí. Thực hiện tiết kiệm từng khoản mục chi phí để giảm thiểu tối đa những khoản chi không cần thiết, đặc biệt đối với những khoản chi vẫn chưa thật sự tiết kiệm như chi xăng dầu, chi công tác phí, chi mua tài liệu sách báo, chi điện nước vệ sinh,.. Việc thực hiện tiết giảm chi phí quản lý kinh doanh góp phần tăng lợi nhuận, đồng thời thực hiện nghiêm túc theo chương trình hành động thực hành tiết kiệm chống lãng phí của Chính phủ, của DN. DN cần tiếp tục tổ chức theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện mức tối ưu hóa chi phí quản lý, định kỳ rà soát, kiểm tra và báo cáo Ban lãnh đạo tình hình thực hiện và biện pháp chấn chỉnh kịp thời.

Hai là, nhóm giải pháp nâng cao hiệu suất sử dụng vốn. Các doanh nghiệp cần quan tâm thực hiện một số giải pháp để nâng cao hiệu suất sử dụng vốn như sau:

** Giải pháp nâng cao hiệu suất sử dụng vốn lưu động*

- Thực hiện xác định nhu cầu vốn lưu động cho mỗi chu kỳ kinh doanh, từ đó duy trì lượng vốn lưu động phù hợp;

- Tập trung quản trị vốn bằng tiền có hiệu quả;

- Chú trọng tới công tác quản trị các khoản phải thu: có kế hoạch xây dựng chính sách bán hàng phù hợp với từng đối tượng khách hàng. Thực hiện đánh giá khả năng tín dụng của khách hàng. Xây dựng quy trình quản trị các khoản phải, thực hiện theo dõi theo tuổi của các khoản nợ. Đồng thời xây

dựng quy trình, chính sách thu hồi nợ rõ ràng và phù hợp. Đặc biệt chú ý tới các giải pháp rút ngắn kỳ thu tiền trung bình...

- Chú ý tới quản trị vốn tồn kho. Với đặc thù riêng của ngành thủy sản, các sản phẩm thường có hạn sử dụng ngắn, phải được bảo quản theo quy định nghiêm ngặt, các DN cần rất chú ý tới công tác quản trị vốn tồn kho. Thực hiện tuân thủ tốt các quy định tiêu chuẩn về bảo quản hàng hóa, vật tư. Có kế hoạch xác định lượng vốn đầu tư vào hàng tồn kho phù hợp, tránh lãng phí khi dự trữ quá nhiều hoặc tránh tình trạng thiếu hụt khi dự trữ quá ít;

- Đối với các khoản phải trả, DN cần tận dụng mối quan hệ với nhà cung cấp để được kéo dài thời gian thanh toán. Tuy nhiên, việc chiếm dụng vốn được thực hiện vẫn phải đảm bảo nguyên tắc thanh toán đúng hạn để duy trì và nâng cao uy tín với nhà cung cấp.

** Giải pháp nâng cao hiệu suất sử dụng vốn cố định*

Doanh nghiệp sản xuất đòi hỏi phải có quy trình công nghệ và thiết bị hiện đại mới có thể nâng cao năng suất lao động. Do đó, khi đầu tư trang thiết bị TSCĐ, cần được tính toán tỉ mỉ giữa hiệu quả, hiệu suất sử dụng TSCĐ với chi phí bỏ ra; có chính sách quản trị TSCĐ phù hợp để nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ. Các DN hướng tới nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản cố định hiện có, cần thực hiện một số giải pháp như sau:

- Huy động toàn bộ TSCĐ và tận dụng chúng tối đa vào hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

- Thường xuyên duy tu, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ và sửa chữa lớn, kết hợp với nâng cấp, cải tạo để tăng thời gian sử dụng hữu ích và công suất của các tài sản.

- Đối với các tài sản cố định chưa sử dụng đến, có thể cho thuê, bán hoặc thanh lý để tránh phí phạm, tiết kiệm tối đa mọi khoản chi phí.

- Thường xuyên đổi mới tài sản cố định để phù hợp với xu thế, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

- Khi giá thị trường thay đổi hoặc lạm phát gia tăng cần đánh giá lại giá trị của tài sản cố định.

- Đề phòng rủi ro bằng cách mua các gói bảo hiểm cho các loại tài sản có giá trị cao, quan trọng, thành lập các quỹ trích lập dự phòng.

Ba là, nhóm giải pháp hoàn thiện cơ cấu nguồn vốn

- Các doanh nghiệp cần chú trọng xây dựng cơ cấu nguồn vốn hợp lý. Mỗi DN thường trải qua các giai đoạn: khởi nghiệp, tăng trưởng, bão hòa và suy thoái. Mỗi giai đoạn sẽ có những đặc điểm khác nhau và ảnh hưởng đến việc xác định và xây dựng cơ cấu nguồn vốn của DN. Do đó, cần xác định DN mình nằm trong giai đoạn nào để có thể xây dựng một cơ cấu nguồn vốn thích hợp. Một số DN có hệ số nợ thấp, tình hình lợi nhuận, dòng tiền khá tốt, nên xem xét thay đổi cơ cấu nguồn vốn theo hướng sử dụng nhiều nợ vay hơn. Như vậy, có thể tận dụng được lợi thế của việc sử dụng đòn bẩy tài chính, có được lá chắn thuế từ lãi vay, có tác động gia tăng ROE. Ngược lại, một số DN hiện đang gặp khó khăn trong công tác quản trị doanh thu và chi phí, dòng tiền chưa tốt trong thời gian gần đây, cần cân nhắc kỹ lưỡng trong việc sử dụng nguồn vốn vay, bởi khi sử dụng vốn vay phải luôn đảm bảo nghĩa vụ thanh toán đúng hạn, phải đối mặt với những áp lực về trả nợ, rủi ro tài chính cao.

- Các doanh nghiệp thực hiện đa dạng hóa các kênh huy động vốn

Từ thực tế có thể thấy kênh huy động vốn truyền thống của các DN thủy sản niêm yết là đi vay ngân hàng, hầu hết các DN đều rất quen thuộc với việc vay vốn ngân hàng mặc dù gặp không ít khó khăn về tài sản thế chấp, lập phương án vay, rủi ro lãi suất, áp lực trả nợ... nhưng nhìn chung, đây là kênh huy động vốn phổ thông nhất được nhiều doanh nghiệp nghĩ đến khi có nhu cầu vốn. Kênh huy động vốn từ việc phát hành cổ phiếu được các doanh nghiệp khai thác triệt để từ năm hưng thịnh của thị trường chứng khoán, chính từ việc lạm dụng phát hành cổ phiếu làm suy giảm giá trị doanh nghiệp, cổ phiếu liên tục rớt giá và mất thanh khoản trong thời gian dài gây mất niềm tin cho nhà đầu tư, ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận nguồn vốn trong tương lai. Vì vậy, DN cần thiết lập lại trật tự huy động vốn, đa dạng hóa các kênh huy động vốn cùng với sự hỗ trợ phát triển thị trường vốn của chính phủ nhằm phát huy được tính ưu việt của từng nguồn vốn.

- Các DN thủy sản niêm yết nên ưu tiên sử dụng nguồn từ lợi nhuận để lại và có thể xem xét tới lựa chọn huy động vốn dài hạn bằng phát hành trái phiếu doanh nghiệp, hoặc thuê tài chính, hoặc huy động vốn từ các quỹ đầu tư.

- Phát hành trái phiếu doanh nghiệp: khi đi vay vốn từ ngân hàng, các DN sẽ bị kiểm soát và phải

có tài sản đảm bảo cho khoản vay, nhưng phát hành trái phiếu DN sẽ không gặp những vấn đề đó.

- Thuê tài chính: việc cấp tín dụng dưới hình thức cho thuê tài chính không đòi hỏi sự đảm bảo tài sản có trước, tạo điều kiện cho các DN tiếp cận hình thức tín dụng mới, vừa giải tỏa được áp lực về tài sản bảo đảm nếu vay ở ngân hàng. Loại hình cho thuê tài chính rất thích hợp cho các DNVTN nhờ ưu điểm không phải thế chấp tài sản như khi vay vốn ở các ngân hàng.

- Huy động vốn từ các quỹ đầu tư: hiện nay ở Việt Nam có khá nhiều quỹ đầu tư, các quỹ đầu tư với sức mạnh về tiềm lực tài chính, năng lực chuyên môn trong thu thập và phân tích thông tin sẽ là cầu nối không chỉ giúp doanh nghiệp tháo gỡ khó khăn về nguồn vốn thông qua thu mua cổ phiếu mà còn góp phần giảm sự yếu kém trong vấn đề quản trị, bằng cách tư vấn chiến lược, cải tiến quy trình sản xuất, kế toán tài chính, giới thiệu nhân sự chuyên nghiệp.

Bốn là, một số giải pháp khác. Bên cạnh các giải pháp trực tiếp nâng cao khả năng sinh lời, hiệu suất sử dụng vốn và hoàn thiện cơ cấu nguồn vốn, các doanh nghiệp thủy sản cần chú ý tới một số giải pháp khác như sau:

(i) Đầu tư, trang bị công nghệ hiện đại trong sản xuất kinh doanh.

(ii) Nâng cao trình độ, năng lực và đạo đức của nhà quản trị trong doanh nghiệp;

(iii) Nâng cao trình độ, năng lực và đạo đức cho đội ngũ nhân viên tài chính, kế toán và quản trị kinh doanh;

(iv) Xây dựng chiến lược sản xuất kinh doanh phù hợp.

Tài liệu tham khảo:

Aikor, Shirgha Timothy (2022). *A Study of Financial Performance Using DuPont Analysis in a Supply Chain. The International Journal of Business and Management*, ISSN 2321-8916.

Alarussi, A. S., & Alhaderi, S. M. (2018). Factors affecting profitability in Malaysia. *Journal of Economic Studies*, 45(3), 442-458.

Citra Shahnia, Endri Endri (2020). *Dupont Analysis for the Financial Performance of Trading, Service & Investment Companies in Indonesia. International Journal of Innovative Science and Research Technology*. ISSN No:-2456-2165, Volume 5, Issue 4, April - 2020.

Nguyễn Lê Thanh Tuyền. (2013). *Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của các công ty ngành sản xuất chế biến thực phẩm niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Luận văn thạc sĩ, Đại học Đà Nẵng.*

Nguyễn Quốc Nghi và Mai Văn Nam. (2011). *Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ và vừa ở thành phố Cần Thơ. Tạp chí Khoa học 2011, Đại học Cần Thơ.*

Nguyễn Thành Hiếu, Nguyễn Ngọc Trung, Nguyễn Thị Nga (2017). *Nâng cao hiệu quả hoạt động chuỗi cung ứng thủy sản tỉnh Bến Tre giai đoạn 2012-2017. Tạp chí công thương 2017.*